

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

(Đính kèm theo Tờ trình số /TTr-HDQT)

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 2 sửa Mục 3	- Điện thoại: 024 3793 8686 - Fax: 024 3686 1616	- Điện thoại: 024 3734 2888 - Fax: 024 3793 8942	Sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế
2	Điều 2 sửa Mục 5	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Sửa đổi cho phù hợp với bố cục của Điều lệ
	Điều 6 sửa Mục 5	5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.	5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm.	Sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ
3	Điều 6 sửa Mục 7	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này .	7. Công ty có thể mua cổ phần/ cổ phiếu do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện việc giảm vốn điều lệ hoặc được bán cổ phần/ cổ phiếu ngay sau khi mua theo các quy định và cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.	Sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán hiện hành
4	Điều 12 sửa Mục 4 bỏ	4. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số	Bỏ	Đã được quy định tại Điều 16

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
5	Điều 13 Mục 1 bổ sung	1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua	1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua <u>theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</u>	Bổ sung
6	Điều 13 Mục 1 khoản đ	đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định trong Điều lệ công ty.	đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện <u>công nghệ</u> khác theo quy định trong Điều lệ công ty.	Bổ sung
7	Điều 14 Mục 3 khoản c bổ sung	c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số <u>lượng</u> thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	
8	Điều 15 Mục 1 khoản d	d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	d. <u>Định hướng phát triển của Công ty.</u>	Sửa đổi theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp
9	Điều 15 Mục 2 khoản l	l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;	l. Quyết định giao dịch đầu tư <u>hoặc</u> bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;	Sửa đổi theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp
10	Điều 15 Mục 2 khoản m	m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại	m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại <u>và các trường hợp theo quy định tại Điều 36 Luật chứng khoán và các quy định hướng dẫn liên quan;</u>	Bổ sung theo Điều 36 Luật Chứng khoán

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
11	Điều 16 Mục 1 và Mục 2	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty (nêu rõ tên cụ thể cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường) và phải có chữ ký theo quy định sau đây:...</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có thể tham dự họp hoặc ủy quyền <u>bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp trực tiếp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 13 Điều 20 Điều lệ này và khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u> Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền <u>cho cá nhân, tổ chức</u> đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại khoản 1 Điều này</u> phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, <u>trong đó</u> nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây: ...</p>	Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 13 Điều 20 Điều lệ
12	Điều 16 Mục 2 Khoản c	<p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trước được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản thêm văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền <u>trước khi vào phòng họp.</u> Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		đồng hải xuất trình ấn ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. ủy quyền dự họp.	là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
13	Điều 18 Mục 4	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 2 Điều 12 Điều lệ
14	Điều 20 Mục 12	12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến</u> , không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Bổ sung
15	Điều 20 bổ sung Mục 13	Chưa có	13. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức họp khác với quy định tại Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ/CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Bổ sung

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			Chứng khoán. Trước mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ban hành quy chế về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.	
16	Điều 27 Mục 2	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, <u>các quy chế nội bộ của Công ty</u> và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Bổ sung
17	Điều 27 Mục 2 khoản e	e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp	e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp <u>và đảm bảo đáp ứng điều kiện các trường hợp mua lại theo Điều 36 Luật chứng khoán;</u>	Bổ sung theo quy định của Điều 36 Luật Chứng khoán
18	Điều 27 Mục 5	5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho <u>Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT.</u>	Sửa đổi
19	CHƯƠNG XV	CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	Sửa đổi, bổ sung tiêu đề
20	Bổ sung Điều 48 Trích lập		Điều 48. Trích lập Quỹ Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau	Bổ sung

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Quỹ		thuế của mình: (i) mười phần trăm (10%) vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và (ii) mười phần trăm (10%) vào Quỹ đầu tư phát triển. Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	
21	Chuyển Điều 48 thành Điều 49	Điều 48. Năm tài chính	Điều 49. Năm tài chính	Chuyển tên điều cho phù hợp với bố cục của Điều lệ
22	Chuyển Điều 49 thành Điều 50	Điều 49. Chế độ kế toán	Điều 50. Chế độ kế toán	Chuyển tên điều cho phù hợp với bố cục của Điều lệ
23	Chuyển Điều 50 thành Điều 51	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo thời hạn được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành.	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo thời hạn được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành.	Chuyển tên điều cho phù hợp với bố cục của Điều lệ

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
24	Chuyển Điều 51, 52, 53	Điều 51. Báo cáo thường niên Điều 52. Kiểm toán Điều 53. Con dấu	Điều 52. Báo cáo thường niên Điều 53. Kiểm toán Điều 54. Con dấu	Chuyển tên điều cho phù hợp với bố cục của Điều lệ
25	Chuyển Điều 54, 55, 56, 57, 58, 59	Điều 54. Giải thể công ty Điều 55. Gia hạn hoạt động Điều 56. Thanh lý Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ Điều 58. Điều lệ công ty Điều 59. Ngày hiệu lực	Điều 55. Giải thể công ty Điều 56. Gia hạn hoạt động Điều 57. Thanh lý Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ Điều 59. Điều lệ công ty Điều 60. Ngày hiệu lực	Chuyển tên điều cho phù hợp với bố cục của Điều lệ
26	Chuyển Điều 59 thành Điều 60	Điều 59. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 60. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á nhất trí thông qua <u>ngày 21 tháng 3 năm 2023</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Chuyển tên điều cho phù hợp với bố cục của Điều lệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Hà Nội, Ngày 21 tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG III. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	9
CHƯƠNG V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	10
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	32
CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	32

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	33
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	34
Điều 37. Kiểm soát viên.....	34
Điều 38 : Trưởng Ban Kiểm soát	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	38
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	38
CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	39
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 49. Năm tài chính	40
Điều 50. Chế độ kế toán.....	40
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	40
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	41
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	41
Điều 53. Kiểm toán	41
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	41
Điều 54. Con dấu	41
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	41
Điều 55. Giải thể công ty	41
Điều 56. Gia hạn hoạt động	42
Điều 57. Thanh lý.....	42
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 59. Điều lệ công ty	43
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 60. Ngày hiệu lực	43

CHƯƠNG I: PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023.

CHƯƠNG II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- k. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG III. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: TẬP ĐOÀN ĐÔNG Á

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1-CN5-Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 3734 2888 Fax: 024 3793 8942 E-mail: info@dag.com.vn

- Website: www.dag.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám Đốc
2. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp và Điều 35 Điều lệ này.

CHƯƠNG IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chỉ gồm có: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống; Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi	2395

	mãng hoặc đá nhân tạo ; Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: Dạng tấm, bảng, thanh; Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác ; Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như : Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vôi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ ; Sản xuất các sản phẩm khác như : chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo ; Sản xuất vữa bột ; Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.	
2.	Tái chế phế liệu	3830
3.	Đại lý (Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa) <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và củ cải được loại trừ khỏi phạm vi cam kết)</i>	4610
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chỉ gồm có: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Bán buôn hóa chất; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
10.	Bán buôn tổng hợp Chỉ gồm có: Giấy dán kính, đề can cắt chữ, bạt hi-flex, giấy dán gỗ simili, mi ca, tấm fomex, xốp pp	4690
11.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chỉ gồm có: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...) ;	2511

	- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, công ; Vách ngăn phòng bằng kim loại.	
12.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
15.	Đại lý du lịch (Trừ việc kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam)	7911
16.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Trừ việc kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam)	7920
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Khai thác muối	0893
19.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
20.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
21.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
22.	Hoạt động của trụ sở văn phòng Chỉ gồm có: hoạt động văn phòng công ty ;	7010
23.	Khai thác và thu gom than non	0520
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chỉ gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
25.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ gồm có: Xây dựng nhà máy lọc dầu, xưởng hóa chất;	4290
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chỉ gồm có: - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa	4933

	chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải. - Hoạt động chuyên chở đặc gia đình, thiết bị văn phòng...; - Cho thuê ô tô có kèm người lái để vận chuyển hàng hóa;	
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>(Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i>	6810
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chỉ gồm có: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
30.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chỉ gồm có: Sản xuất plastic nguyên sinh;	2013
31.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
32.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chỉ gồm có: - Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm; - Sản xuất đá phiến và đá lát chịu lửa; - Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như : Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm... - Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung ; - Sản xuất các đồ vật vệ sinh cố định làm bằng gốm.	2392
33.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì ;	2399
34.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
35.	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và củ cải được loại trừ khỏi phạm vi cam kết).</i>	4659
36.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
37.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chỉ gồm có: Xây dựng công trình đường bộ;	4210
38.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	14100
39.	Xây dựng nhà các loại	4100

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của Cổ đông đầu tư tại Công ty.

Phát triển để trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nhựa phục vụ công nghiệp và xây dựng; đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ các công ty con.

Tạo công việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **595.641.120.000 VND** (*Năm trăm chín mươi lăm tỷ sáu trăm bốn mươi một triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 59.564.112 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó

theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần/ cổ phiếu do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện việc giảm vốn điều lệ hoặc được bán cổ phần/ cổ phiếu ngay sau khi mua theo các quy định và cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy [07] ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua của cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chi tiết theo quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 36 Điều lệ này.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện công nghệ khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04)

tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có

yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Định hướng phát triển của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại và các trường hợp theo quy định tại Điều 36 Luật chứng khoán và các quy định hướng dẫn liên quan;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp trực tiếp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 13 Điều 20 Điều lệ này và khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty, trong đó nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến, không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

13. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức họp khác với quy định tại Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ/CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trước mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ban hành quy chế về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc

hợp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và 3 Điều này và khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, cụ thể gồm:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty
- b. Định hướng phát triển Công ty
- c. Phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng vốn điều lệ.
- d. Phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
- e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- f. Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ.
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- i. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- j. Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty.

k. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

1. Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước

ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử không hạn chế số lượng ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên trong tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong phạm vi phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo đáp ứng điều kiện các trường hợp mua lại theo Điều 36 Luật chứng khoán;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - r. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành

chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm

bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa, trên điện thoại các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38 : Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy

định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện

theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Trích lập Quỹ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình: (i) mười phần trăm (10%) vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và (ii) mười phần trăm (10%) vào Quỹ đầu tư phát triển. Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo thời hạn được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành (03) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đường Ngọc Diệu

Số: /BBH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2023

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Trụ sở: Lô 1 – CN5 – Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
Giấy phép kinh doanh số 0101099228 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 14/11/2006
và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 18 tháng 01 năm 2023

Mục đích cuộc họp:

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á;
2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Ban Tổng Giám đốc và Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty, Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;
3. Thông qua các tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
4. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Hôm nay, ngày 06/4/2023, vào lúc 8h30 tại Phòng họp, tầng 9, tháp Tây, Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Chương trình tổ chức đã tiến hành theo thư mời cho cổ đông và được thông qua.

I. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH VÀ THÔNG QUA NHÂN SỰ ĐẠI HỘI :

1. Thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội

Việc kết thúc kiểm tra tư cách đại hội được thông qua tại Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và công bố trong đại hội, kết quả như sau:

- Tổng số người đủ tư cách tham dự: người,
- Đại diện cổ phần trong tổng số 59.564.112 cổ phần, tương ứng % vốn điều lệ.
- Kết quả này đủ điều kiện để tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thông qua thành viên Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu tại Đại hội

Thành phần Đoàn chủ tọa:

- | | | |
|---------------------------|-------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Trường | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| 2. Ông Nguyễn Bá Hùng | Phó Chủ tịch HĐQT | Thành viên |

3. Ông Phạm Quan Huỳnh Thành viên độc lập HĐQT Thành viên

Thành phần Ban thư ký

1. Ông Lê Linh Trưởng ban

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo Thành viên

Thành phần Ban Kiểm phiếu

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải Trưởng ban

2. Ông Lương Thế Hùng Thành viên

3. Ông Ngô Mạnh Tùng Thành viên

Đại hội sau khi thông qua chương trình tổ chức, thông qua kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đã đi đến các nội dung chính:

II. NỘI DUNG PHẦN 1 (THÔNG QUA BÁO CÁO) :

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng năm 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ông Nguyễn Xuân Trường – Chủ tịch HĐQT Công ty đã báo cáo với Đại hội về:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022
- Những kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2022
- Định hướng phát triển năm 2023

Trong báo cáo, đã nêu lên các hoạt động của Hội đồng quản trị trong tổ chức định hướng và giám sát triển khai của Công ty trong năm 2022, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2022. Đồng thời, đưa ra định hướng phát triển năm 2023 của Công ty.

2. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Ban Tổng giám đốc.

Ông Nguyễn Bá Hùng, thay mặt Ban Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022, đánh giá công tác quản lý, điều hành trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty về kết hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2022

Báo cáo do Ông Phạm Thế Hoàng, Đại diện Ban kiểm soát, thay mặt Ban Kiểm soát trình bày. Theo đó, Ban Kiểm soát đã báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2022, cũng như đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2022. Đồng thời, đề xuất các đơn vị kiểm toán để thực hiện việc soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng (công ty mẹ) năm 2023.

Các bài phát biểu trên của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

4. Được sự ủy quyền của Ban Chủ tọa, Trưởng Ban Thư ký đọc toàn văn các tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên trước Đại hội

5. Tham luận.

Từ giờ đến giờ phút Đại hội bước vào phần thảo luận các nội dung Báo cáo cũng như các vấn đề liên quan trong các tờ trình của Hội đồng quản trị. Trong đó có các nội dung, ý kiến tiêu biểu như sau:

.....
.....

6. Các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bỏ phiếu :

Từ giờ phút đến giờ phút , Đại hội đã nghe Ông, Trưởng Ban Kiểm phiếu phổ biến Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS và hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử:

- Biểu quyết các báo cáo, tờ trình (tán thành/không tán thành/không có ý kiến) trên Phiếu biểu quyết đã chuẩn bị sẵn để thông qua nội dung của Tờ trình.
- Bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

7. Đại hội nghỉ giải lao từ giờ đến ... giờ phút, trong thời gian này, Ban Kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.

8. Thông qua Biên bản kiểm phiếu

Sau thời gian nghỉ giải lao, Ông, Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu thông qua nội dung các tờ trình của HĐQT. Theo đó:

Nội dung 1. Thông qua các báo cáo đã được Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc công bố tại Đại hội:

- a) Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY
- b) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng năm 2023;
- c) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động quản trị, điều hành hoạt động công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc,

Một số kết quả kinh doanh chính:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	Tỷ trọng TH 2022/2021
----	----------	--------------------	--------------------	-----------------------

1	Tổng tài sản hợp nhất	2.239	2.029	10,3%
2	Vốn Chủ sở hữu hợp nhất	686	680	0,9%
3	Doanh thu thuần hợp nhất	2.273	1.954	16,3%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	7,5	5,9	27,1%

✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Tổng số phiếu không tán thành : ... phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 2. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022

2.1. Phương án trích lập các quỹ

- Trích 10 % vào quỹ đầu tư phát triển

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định việc sử dụng quỹ đảm bảo mục tiêu của Công ty.

2.2. Phương án chia cổ tức năm 2022

Sau khi trích lập các Quỹ; chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022, Số dư Lợi nhuận chưa phân phối còn lại: 18.688.180.150 đồng. Do số dư Lợi nhuận chưa phân phối còn lại không nhiều, trong trường hợp chia cổ tức tỷ lệ chia cổ tức sẽ rất nhỏ, Bên cạnh đó, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, mở rộng các nhà máy, HĐQT kính trình không chia cổ tức trong năm 2023 và giữ lại tái đầu tư.

✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Tổng số phiếu không tán thành : ... phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Tổng số phiếu không có ý kiến :phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 3. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2023 của công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

Doanh thu hợp nhất: 2.248 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 22 tỷ đồng

✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm ...% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 4. Phê duyệt mức trích, trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và thông qua đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

Thù lao cho HĐQT, BKS		Phê duyệt mức đã chi trả năm 2022 (đồng/người/năm)	Đề xuất mức thù lao năm 2023 (đồng/người/năm)
Mức thù lao cho HĐQT	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
	Phó Chủ tịch HĐQT	38.000.000	38.000.000
	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Tổng mức thù lao HĐQT		152.000.000	152.000.000
Mức thù lao cho Ban Kiểm soát (BKS)	Trưởng BKS	14.000.000	14.000.000
	Thành viên BKS	10.500.000	10.500.000
Tổng mức thù lao BKS		35.000.000	35.000.000

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tự chịu thuế thu nhập cá nhân.

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 5. Thông qua uỷ quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ điều kiện thuộc danh sách công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2023 để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính 2023. (Chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày đính kèm)

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 6. Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Bùi Thẩm Châu, thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Phạm Thị Thúy Hà; Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS và danh sách ứng viên HĐQT, BKS. (Chi tiết theo Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày đính kèm)

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 7. Thông qua sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ công ty. (Chi tiết theo Tờ trình số /TTr-HĐQT ngày đính kèm)

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : ...phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện chocổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 8. Thông qua hủy phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022.

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : ...phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện chocổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 9. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông để hoán đổi nợ với các Bên cho vay để thực hiện kế hoạch tái cơ cấu tài chính và theo đề nghị của Bên cho vay với nội dung như sau:

I. Phương án phát hành riêng lẻ cổ phần để hoán đổi nợ:

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
2. Tên cổ phần phát hành: Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
3. Mã chứng khoán: DAG
4. Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông

5. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
6. Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cổ phần để hoán đổi nợ.
7. Mục đích phát hành: phát hành cổ phần để hoán đổi khoản nợ với Bên cho vay đã cho Công ty vay căn cứ theo các Hợp đồng cho vay: Hợp đồng số 21A/DAG-HĐ ngày 27/3/2022, hợp đồng số 64B/HĐ-DAG ngày 03/11/2022 và hợp đồng số 79A/HĐTT-DAG ngày 27/12/2022 và theo đề nghị hoán đổi cổ phần của Bên cho vay.
8. Khoản nợ được hoán đổi: Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay của các Bên Cho vay với Công ty là: 212.000.000.000 đồng, chi tiết như sau:

TT	Bên Cho vay	Hợp đồng cho vay	Dư nợ tại ngày 31/12/2022 (đồng)	Lãi suất	Ngày cho vay	Ngày đến hạn	Ghi chú
1	Ông Phạm Ngọc Hinh	HĐ số 21A/DAG-HĐ ngày 27/3/2022	100.000.000.000	0%	27/3/2022	27/3/2025	
2	Ông Nguyễn Bá Hùng	HĐ số 64B/HĐ-DAG ngày 03/11/2022	2.000.000.000	0%	03/11/2022	03/11/2023	
4	Ông Nguyễn Bá Hùng	HĐ số 79A/HĐTT-DAG ngày 27/12/2022	110.000.000.000	0%	27/12/2023	27/12/2024	
	Tổng cộng		212.000.000.000				

9. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: Tối đa không quá 21.200.000 cổ phần.
10. Tổng giá trị cổ phần phát hành theo mệnh giá dự kiến: 212.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm mười hai tỷ đồng*).
11. Đối tượng phát hành: Chủ nợ của Công ty.

TT	Họ tên	Số CMND/CCCD	SLCP phát hành (cổ phần)	Mối quan hệ giữa Công ty và đối tượng phát hành	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Hinh	001082038029	10.000.000	Không	
2	Nguyễn Bá Hùng	001071015028	11.200.000	Phó chủ tịch	

				HĐQT Công ty	
	Tổng cộng		21.200.000		

12. Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi:
Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty, giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là: 11.533 đồng/ cổ phần;
Hiện tại, cổ phiếu DAG đang niêm yết tại sàn GDCK TP. Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị Công ty đã tham chiếu giá giao dịch cổ phiếu DAG trong 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 28/2/2023) trung bình giá giao dịch là: 3.930 đồng/cổ phiếu;
Căn cứ tình hình thực tế giao dịch cổ phiếu DAG, nhu cầu hoán đổi nợ của Công ty và Nhà đầu tư, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của Nhà đầu tư, Công ty và cổ đông, Hội đồng quản trị đề nghị mức giá cổ phần để hoán đổi nợ là 10.000 đồng/ cổ phần, tương ứng tỷ lệ hoán đổi là 10.000 : 1, nghĩa là 10.000 đồng nợ hoán đổi được 01 cổ phần phát hành thêm.
13. Giá phát hành và tỷ lệ hoán đổi: Giá phát hành cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần; tỷ lệ hoán đổi: 10.000 : 1 (nghĩa là 10.000 đồng nợ hoán đổi được 01 cổ phần phát hành thêm).
*VD: Công ty vay của chủ nợ/ Bên cho vay 100.000.000 đồng, với tỷ lệ hoán đổi 10.000 : 1 thì sau khi thực hiện hoán đổi, bên cho vay sẽ nhận được (100.000.000 *1) : 10.000 = 10.000 cổ phần.*
14. Phương án xử lý cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn: Do tỷ lệ hoán đổi là 10.000 đồng nợ được hoán đổi lấy 01 cổ phần phát hành thêm nên không có cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn.
15. Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết (nếu có): Số lượng cổ phần chưa chào bán hết theo dự kiến do chủ nợ/ bên cho vay không thực hiện hoán đổi (nếu có), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định xử lý theo quy định của pháp luật và/ hoặc hủy không chào bán.
16. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 595.641.120.000 đồng
 - Vốn điều lệ dự kiến tăng: 212.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 807.641.120.000 đồng
17. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành hoán đổi nợ bị hạn chế chuyển nhượng một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành và báo cáo kết quả tới UBCKNN.
18. Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2023. Sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
19. Quyền lợi của các bên sau khi đã thực hiện hoán đổi các khoản nợ:
- Chủ nợ: Khoản nợ được xóa và các Ông Phạm Ngọc Hình, Nguyễn Bá Hùng không còn là chủ nợ cho các khoản nợ nêu tại văn bản này.
 - Các ông Phạm Ngọc Hình, Nguyễn Bá Hùng, trở thành cổ đông sở hữu cổ phần

phổ thông của Công ty và được hưởng đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cổ đông kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành.

- iii. Công ty: Giá trị khoản nợ được hạch toán để tăng vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ tăng tương ứng với số cổ phần đã phát hành và số nợ được xóa. Công ty không còn nghĩa vụ trả nợ bằng tiền cho bên cho vay.
20. Nguyên tắc thỏa thuận: Theo Biên bản thỏa thuận hoán đổi nợ lấy cổ phần giữa chủ nợ/ Bên cho vay và Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- II. Thông qua việc thay đổi điều khoản quy định Vốn điều lệ tại Điều lệ hoạt động của công ty và điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở KH&ĐT TP. Hà Nội sau khi có văn bản chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành cổ phần của UBCK Nhà nước.
 - III. Thông qua việc đăng ký lưu ký cổ phần bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phần bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phần và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phần bổ sung cho toàn bộ cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. Ủy quyền của ĐHĐCĐ cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan để triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phần để hoán đổi nợ, cụ thể:

- Thông qua việc thỏa thuận hoán đổi nợ với Bên cho vay, Hội đồng quản trị quyết định phương án phát hành cổ phần chi tiết để hoán đổi nợ bao gồm nhưng không giới hạn: (i) số lượng cổ phần phát hành; (ii) giá phát hành và tỷ lệ phát hành cụ thể; (iii) phê duyệt và ký kết hồ sơ liên quan đến việc phát hành cổ phần để hoán đổi nợ với Bên cho vay. Trên cơ sở thỏa thuận và đề nghị của Bên cho vay, Hội đồng quản trị được quyền quyết định lựa chọn một số và/ hoặc toàn bộ Chủ nợ/ Bên cho vay để thực hiện phát hành cổ phần hoán đổi nợ mà không phải xin lại ý kiến của ĐHĐCĐ thông qua.
- HĐQT căn cứ vào tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty để quyết định thời điểm triển khai phương án phát hành cổ phần để hoán đổi nợ với bên cho vay;
- Ký kết thỏa thuận hoán đổi nợ giữa Bên cho vay và Công ty;
- Xây dựng hồ sơ đăng ký phát hành cổ phần nộp UBCKNN và các cơ quan quản lý có liên quan; giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo đề nghị của UBCKNN và các cơ quan quản lý;
- Hội đồng quản trị quyết định thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phần đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với tình hình thực tế khi triển khai việc phát hành cổ phần của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung GCN đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần để hoán đổi;
- Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều lệ Công ty điều khoản quy định

- về vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế phát hành;
- Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần được phát hành thành công;
 - Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên;
 - Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHQĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo việc phát hành cổ phần của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
- ✓ Tổng số phiếu tán thành: ... phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
 - ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện ... cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
 - ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 10. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với nội dung như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ chi tiết như sau:

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
2. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
3. Mã chứng khoán: DAG
4. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
5. Loại tiền: Việt Nam Đồng
6. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đã chào bán: 59.564.112 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.984 cổ phiếu
9. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 59.562.128 cổ phiếu
10. Vốn điều lệ hiện tại: 595.641.120.000 đồng
11. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán riêng lẻ tối đa: 20.000.000 cổ phiếu (*Bằng chữ: Hai mươi triệu cổ phiếu*).
12. Tổng giá trị dự kiến chào bán (theo mệnh giá): 200.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng*).
13. Vốn điều lệ DAG sau khi chào bán dự kiến: 1.007.461.120.000 đồng (bao gồm cả phần vốn tăng thêm do chào bán cổ phần hoán đổi nợ)

14. Mục đích chào bán:

- Góp vốn vào công ty con – Công ty TNHH Nhựa Đông Á để tăng vốn, tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa – giai đoạn II;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/ hoặc Thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Công ty.

15. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ.

16. Đối tượng chào bán: chào bán cổ phiếu cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

❖ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đăng ký mua cổ phần chào bán phải đáp ứng tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán. Nhà đầu tư đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Là Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Là Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- Là Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Là cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Là cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.

❖ Danh sách Nhà đầu tư mua cổ phiếu chào bán:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định Danh sách Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua cổ phiếu của đợt chào bán riêng lẻ 20 triệu cổ phiếu đáp ứng tiêu chí được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Nhà đầu tư không mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần đăng ký, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty tiếp tục chào bán cho các Nhà đầu tư khác có nhu cầu, đảm bảo tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán bằng mức giá chào bán ban đầu (10.000 đồng/ cổ phiếu) và tuân thủ quy định của pháp luật.

Các nhà đầu tư thực hiện mua cổ phiếu theo quyết định của HĐQT dẫn đến việc tỷ lệ sở hữu vượt qua các tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định, ĐHĐCĐ chấp thuận cho các Nhà đầu tư mua cổ phiếu mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai.

Trường hợp Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân và người có liên quan mua từ 10% vốn điều lệ trở lên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cổ phiếu chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan mua từ 10% vốn điều lệ trở lên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và báo cáo tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thay đổi danh sách Nhà đầu tư mua cổ phiếu chào bán, số lượng chào bán cho từng nhà đầu tư tùy vào tình hình thực tế chào bán cổ phần. Nhà đầu tư thay thế phải đáp ứng tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua.

17. Chào mua công khai: Trường hợp Nhà đầu tư được HĐQT lựa chọn tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần khi thực hiện mua cổ phần chào bán đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán, ĐHĐCĐ thông qua cho phép các Nhà đầu tư trên thực hiện mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định.
18. Giá chào bán: 10.000 đồng/ cổ phiếu
19. Căn cứ xác định giá chào bán cổ phiếu:
 - Giá trị sổ sách cổ phiếu DAG theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty là 11.533 đồng/ cổ phần.
 - Giá trị thị trường của cổ phiếu DAG: căn cứ đóng cửa bình quân 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 28/2/2023) trung bình giá giao dịch là: 3.930 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào định hướng hoạt động, nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, nâng cao khả năng chào bán thành công, giá cổ phiếu chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.
20. Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
21. Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2023 phù hợp với tình hình đầu tư và triển khai dự án, sau khi được UBCK Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.
22. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty: Điều lệ DAG không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
23. Từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán thêm của cổ đông hiện hữu: Đại hội đồng cổ đông đồng ý và xác nhận việc các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phần đối với số cổ phần chào bán riêng lẻ.
24. Phương án xử lý số lượng cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có): Toàn bộ số cổ phần không phân phối hết do nhà đầu tư từ chối không mua sẽ bị hủy bỏ.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC CHÀO BÁN

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **200.000.000.000 đồng**, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sẽ sử dụng cho một và/hoặc một số mục đích sau: (1) Góp vốn vào Công ty con để thực hiện dự án mở rộng Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa của Công ty TNHH Nhựa Đông Á; (2) Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/ hoặc (3) Thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn đầu tư quyết định chi tiết Phương án sử

dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm và không giới hạn việc phân bổ nguồn vốn cho từng mục đích sử dụng vốn, lựa chọn và sắp xếp ưu tiên phương án, mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều phương án sử dụng vốn như trên). Hội đồng quản trị có quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, lợi ích của Công ty và cổ đông.

III. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, toàn bộ cổ phiếu chào bán tăng vốn sẽ được Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

- Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy mô vốn mới sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn.
- Sửa đổi Điều lệ hoạt động Công ty liên quan đến điều khoản quy định về vốn điều lệ theo số vốn điều lệ thực tế chào bán.

V. ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện các thủ tục và công việc liên quan đến việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện phương án chào bán cổ phiếu;
- Toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền mà không cần xin lại ý kiến Đại hội cổ đông nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông, Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty;
- Trong trường hợp cần thiết nhằm đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty, căn cứ tình hình thực tế chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn thời điểm và hoàn thiện thủ tục theo quy định để triển khai thực hiện các phương án chào bán cổ phiếu; Quyết định phương án, kế hoạch sử dụng vốn tương ứng với số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.
- Quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn và xây dựng phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư của công ty; Cân đối nguồn vốn để phân bổ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào các mục đích sử dụng vốn một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Căn cứ vào tình hình thực tế chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị được phép điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả và lợi ích của cổ đông, Công ty và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn từ việc chào bán cổ phiếu (nếu có) nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty.
- Quyết định thực hiện tất cả các thủ tục liên quan để đảm bảo việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn việc thực hiện thủ tục khóa room Nhà đầu tư nước ngoài trước, trong và sau đợt chào bán cổ phiếu của Công ty.
- Chủ động xây dựng hồ sơ và giải trình hồ sơ xin phép đăng ký chào bán gửi UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu để hoán đổi;
 - Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều lệ Công ty điều khoản quy định về vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán;
 - Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được chào bán thành công;
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án huy động thành công, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.
- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Nội dung 11. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

STT	Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1				
2				

9. Thông qua Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu, Ông, Trưởng Ban thư ký công bố toàn văn Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày/.../2023.

Nghị quyết được đọc và thông qua lúc..... cùng ngày.

Thay mặt Đoàn chủ tịch, Ông Nguyễn Bá Hùng công bố bế mạc Đại hội cổ đông cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á gồm trang do Ban thư ký ghi lại đầy đủ, trung thực diễn biến đại hội, được đọc tại Đại hội và được các Đại biểu cổ đông tham dự đại hội thông qua vào hồi’ cùng ngày.

Thư ký đại hội

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG);
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (ĐHĐCĐ/Đại hội) của DAG,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo đã được Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc công bố tại Đại hội:

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và định hướng năm 2023;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động quản trị, điều hành hoạt động công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc,

Một số kết quả kinh doanh chính:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2021	Tỷ trọng TH 2022/2021
1	Tổng tài sản hợp nhất	2.239	2.029	10,3%
2	Vốn Chủ sở hữu hợp nhất	686	680	0,9%
3	Doanh thu thuần hợp nhất	2.273	1.954	16,3%
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	7,5	5,9	27,1%

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : ... phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 2. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022

2.1. Phương án trích lập các quỹ

- Trích 10 % vào quỹ đầu tư phát triển

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định việc sử dụng quỹ đảm bảo mục tiêu của Công ty.

2.2. Phương án chia cổ tức năm 2022

Sau khi trích lập các Quỹ; chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022, Số dư Lợi nhuận chưa phân phối còn lại: 18.688.180.150 đồng. Do số dư Lợi nhuận chưa phân phối còn lại không nhiều, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, mở rộng các nhà máy. Vì vậy, HĐQT kính trình không chia cổ tức năm 2022 và giữ lại tái đầu tư.

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : ... phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến :phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2023 của công ty với các chỉ tiêu chính như sau:

Doanh thu hợp nhất: 2.248 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 22 tỷ đồng

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm ...% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 4. Phê duyệt mức trích, trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và thông qua đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

Thù lao cho HĐQT, BKS		Phê duyệt mức đã chi trả năm 2022 (đồng/người/năm)	Đề xuất mức thù lao năm 2023 (đồng/người/năm)
Mức thù lao cho HĐQT	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
	Phó Chủ tịch HĐQT	38.000.000	38.000.000
	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Tổng mức thù lao HĐQT		152.000.000	152.000.000

Mức thù lao cho Ban Kiểm soát (BKS)	Trưởng BKS	14.000.000	14.000.000
	Thành viên BKS	10.500.000	10.500.000
Tổng mức thù lao BKS		35.000.000	35.000.000

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tự chịu thuế thu nhập cá nhân.

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 5. Thông qua uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ điều kiện thuộc danh sách công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2023 để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính 2023. (Chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày đính kèm)

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 6. Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Bùi Thẩm Châu, thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Phạm Thị Thúy Hà; Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS và danh sách ứng viên HĐQT, BKS. (Chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày đính kèm)

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 7. Thông qua sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ công ty. (Chi tiết theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày đính kèm)

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : ...phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện chocổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 8. Thông qua hủy phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022.

- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : ...phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện chocổ phần chiếm ... % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 9. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông để hoán đổi nợ với các Bên cho vay để thực hiện kế hoạch tái cơ cấu tài chính và theo đề nghị của Bên cho vay với nội dung như sau:

I. Phương án phát hành riêng lẻ cổ phần để hoán đổi nợ:

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
2. Tên cổ phần phát hành: Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
3. Mã chứng khoán: DAG
4. Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
5. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
6. Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cổ phần để hoán đổi nợ.
7. Mục đích phát hành: phát hành cổ phần để hoán đổi khoản nợ với Bên cho vay đã cho Công ty vay căn cứ theo các Hợp đồng cho vay: Hợp đồng số 21A/DAG-HĐ ngày 27/3/2022, hợp đồng số 64B/HĐ-DAG ngày 03/11/2022 và hợp đồng số 79A/HĐTT-DAG ngày 27/12/2022 và theo đề nghị hoán đổi cổ phần của Bên cho vay.
8. Khoản nợ được hoán đổi: Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay của các Bên Cho vay với Công ty là: 212.000.000.000 đồng, chi tiết như sau:

TT	Bên Cho vay	Hợp đồng cho vay	Dư nợ tại ngày 31/12/2022 (đồng)	Lãi suất	Ngày cho vay	Ngày đến hạn	Ghi chú
1	Ông Phạm Ngọc Hình	HĐ số 21A/DAG-	100.000.000.000	0%	27/3/2022	27/3/2025	

		HĐ ngày 27/3/2022					
2	Ông Nguyễn Bá Hùng	HĐ số 64B/HĐ- DAG ngày 03/11/2022	2.000.000.000	0%	03/11/2022	03/11/2023	
4	Ông Nguyễn Bá Hùng	HĐ số 79A/HĐTT- DAG ngày 27/12/2022	110.000.000.000	0%	27/12/2023	27/12/2024	
	Tổng cộng		212.000.000.000				

9. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: Tối đa không quá 21.200.000 cổ phần.
10. Tổng giá trị cổ phần phát hành theo mệnh giá dự kiến: 212.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm mười bốn tỷ đồng*).
11. Đối tượng phát hành: Chủ nợ của Công ty.

TT	Họ tên	Số CMND/ CCCD	SLCP phát hành (cổ phần)	Mối quan hệ giữa Công ty và đối tượng phát hành	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Hình	001082038029	10.000.000	Không	
2	Nguyễn Bá Hùng	001071015028	11.200.000	Phó chủ tịch HĐQT Công ty	
	Tổng cộng		21.200.000		

12. Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi:
Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty, giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là: 11.533 đồng/ cổ phần;
Hiện tại, cổ phiếu DAG đang niêm yết tại sàn GDCK TP. Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị Công ty đã tham chiếu giá giao dịch cổ phiếu DAG trong 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 28/2/2023) trung bình giá giao dịch là: 3.930 đồng/cổ phiếu;
Căn cứ tình hình thực tế giao dịch cổ phiếu DAG, nhu cầu hoán đổi nợ của Công ty và Nhà đầu tư, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của Nhà đầu tư, Công ty và cổ đông, Hội đồng quản trị đề nghị mức giá cổ phần để hoán đổi nợ là 10.000 đồng/ cổ phần, tương ứng tỷ lệ hoán đổi là 10.000 : 1, nghĩa là 10.000 đồng nợ hoán đổi được 01 cổ phần phát hành thêm.
13. Giá phát hành và tỷ lệ hoán đổi: Giá phát hành cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần; tỷ lệ hoán đổi: 10.000 : 1 (nghĩa là 10.000 đồng nợ hoán đổi được 01 cổ phần phát hành thêm).

*VD: Công ty vay của chủ nợ/ Bên cho vay 100.000.000 đồng, với tỷ lệ hoán đổi 10.000 : 1 thì sau khi thực hiện hoán đổi, bên cho vay sẽ nhận được $(100.000.000 * 1) : 10.000 = 10.000$ cổ phần.*

14. Phương án xử lý cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn: Do tỷ lệ hoán đổi là 10.000 đồng nợ được hoán đổi lấy 01 cổ phần phát hành thêm nên không có cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn.
15. Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết (nếu có): Số lượng cổ phần chưa chào bán hết theo dự kiến do chủ nợ/ bên cho vay không thực hiện hoán đổi (nếu có), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định xử lý theo quy định của pháp luật và/ hoặc hủy không chào bán.
16. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:
 - i. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 595.641.120.000 đồng
 - ii. Vốn điều lệ dự kiến tăng: 212.000.000.000 đồng
 - iii. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 807.641.120.000 đồng
17. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành hoán đổi nợ bị hạn chế chuyển nhượng một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành và báo cáo kết quả tới UBCKNN.
18. Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2023. Sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
19. Quyền lợi của các bên sau khi đã thực hiện hoán đổi các khoản nợ:
 - i. Chủ nợ: Khoản nợ được xóa và các Ông Phạm Ngọc Hình, Nguyễn Bá Hùng không còn là chủ nợ cho các khoản nợ nêu tại văn bản này.
 - ii. Các ông Phạm Ngọc Hình, Nguyễn Bá Hùng, trở thành cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty và được hưởng đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cổ đông kể từ thời điểm hoàn tất đợt phát hành.
 - iii. Công ty: Giá trị khoản nợ được hạch toán để tăng vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ tăng tương ứng với số cổ phần đã phát hành và số nợ được xóa. Công ty không còn nghĩa vụ trả nợ bằng tiền cho bên cho vay.
20. Nguyên tắc thỏa thuận: Theo Biên bản thỏa thuận hoán đổi nợ lấy cổ phần giữa chủ nợ/ Bên cho vay và Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- II. Thông qua việc thay đổi điều khoản quy định Vốn điều lệ tại Điều lệ hoạt động của công ty và điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở KH&ĐT TP. Hà Nội sau khi có văn bản chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành cổ phần của UBCK Nhà nước.
- III. Thông qua việc đăng ký lưu ký cổ phần bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phần bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phần và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phần bổ sung cho toàn bộ cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. Ủy quyền của ĐHĐCĐ cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan để triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phần để hoán đổi nợ, cụ thể:

- Thông qua việc thỏa thuận hoán đổi nợ với Bên cho vay, Hội đồng quản trị quyết định phương án phát hành cổ phần chi tiết để hoán đổi nợ bao gồm nhưng không giới hạn: (i) số lượng cổ phần phát hành; (ii) giá phát hành và tỷ lệ phát hành cụ thể; (iii) phê duyệt và ký kết hồ sơ liên quan đến việc phát hành cổ phần để hoán đổi nợ với Bên cho vay. Trên cơ sở thỏa thuận và đề nghị của Bên cho vay, Hội đồng quản trị được quyền quyết định lựa chọn một số và/ hoặc toàn bộ Chủ nợ/ Bên cho vay để thực hiện phát hành cổ phần hoán đổi nợ mà không phải xin lại ý kiến của ĐHĐCĐ thông qua.
 - HĐQT căn cứ vào tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty để quyết định thời điểm triển khai phương án phát hành cổ phần để hoán đổi nợ với bên cho vay;
 - Ký kết thỏa thuận hoán đổi nợ giữa Bên cho vay và Công ty;
 - Xây dựng hồ sơ đăng ký phát hành cổ phần nộp UBCKNN và các cơ quan quản lý có liên quan; giải trình, bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo đề nghị của UBCKNN và các cơ quan quản lý;
 - Hội đồng quản trị quyết định thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phần đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài phù hợp với tình hình thực tế khi triển khai việc phát hành cổ phần của Công ty.
 - Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung GCN đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần để hoán đổi;
 - Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều lệ Công ty điều khoản quy định về vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế phát hành;
 - Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần được phát hành thành công;
 - Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên;
 - Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước đảm bảo việc phát hành cổ phần của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
- ✓ Tổng số phiếu tán thành: ... phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện ... cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 10. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với nội dung như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ chi tiết như sau:

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
2. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á
3. Mã chứng khoán: DAG
4. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
5. Loại tiền: Việt Nam Đồng
6. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đã chào bán: 59.564.112 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.984 cổ phiếu
9. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 59.562.128 cổ phiếu
10. Vốn điều lệ hiện tại: 595.641.120.000 đồng
11. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán riêng lẻ tối đa: 20.000.000 cổ phiếu (*Bằng chữ: Hai mươi triệu cổ phiếu*).
12. Tổng giá trị dự kiến chào bán (theo mệnh giá): 200.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng*).
13. Vốn điều lệ DAG sau khi chào bán dự kiến: 1.007.461.120.000 đồng (bao gồm cả phần vốn tăng thêm do chào bán cổ phần hoán đổi nợ)
14. Mục đích chào bán:
 - Góp vốn vào công ty con – Công ty TNHH Nhựa Đông Á để tăng vốn, tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa – giai đoạn II;
 - Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/ hoặc Thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Công ty.
15. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ.
16. Đối tượng chào bán: chào bán cổ phiếu cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
 - ❖ Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đăng ký mua cổ phần chào bán phải đáp ứng tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán. Nhà đầu tư đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
 - Là Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - Là Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
 - Là Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - Là cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị

tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

- Là cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.

❖ Danh sách Nhà đầu tư mua cổ phiếu chào bán:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định Danh sách Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua cổ phiếu của đợt chào bán riêng lẻ 20 triệu cổ phiếu đáp ứng tiêu chí được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Nhà đầu tư không mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần đăng ký, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty tiếp tục chào bán cho các Nhà đầu tư khác có nhu cầu, đảm bảo tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán bằng mức giá chào bán ban đầu (10.000 đồng/ cổ phiếu) và tuân thủ quy định của pháp luật.

Các nhà đầu tư thực hiện mua cổ phiếu theo quyết định của HĐQT dẫn đến việc tỷ lệ sở hữu vượt qua các tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định, ĐHĐCĐ chấp thuận cho các Nhà đầu tư mua cổ phiếu mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai.

Trường hợp Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân và người có liên quan mua từ 10% vốn điều lệ trở lên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cổ phiếu chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan mua từ 10% vốn điều lệ trở lên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và báo cáo tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thay đổi danh sách Nhà đầu tư mua cổ phiếu chào bán, số lượng chào bán cho từng nhà đầu tư tùy vào tình hình thực tế chào bán cổ phần. Nhà đầu tư thay thế phải đáp ứng tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua.

17. Chào mua công khai: Trường hợp Nhà đầu tư được HĐQT lựa chọn tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần khi thực hiện mua cổ phần chào bán đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán, ĐHĐCĐ thông qua cho phép các Nhà đầu tư trên thực hiện mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định.

18. Giá chào bán: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19. Căn cứ xác định giá chào bán cổ phiếu:

- Giá trị sổ sách cổ phiếu DAG theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty là 11.533 đồng/ cổ phần.
- Giá trị thị trường của cổ phiếu DAG: căn cứ đóng cửa bình quân 30 phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 28/2/2023) trung bình giá giao dịch là: 3.930 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ vào định hướng hoạt động, nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, nâng cao khả năng chào bán thành công, giá cổ phiếu chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

20. Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng

khoản chuyên nghiệp bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

21. Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2023 phù hợp với tình hình đầu tư và triển khai dự án, sau khi được UBCK Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.
22. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty: Điều lệ DAG không quy định tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
23. Từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán thêm của cổ đông hiện hữu: Đại hội đồng cổ đông đồng ý và xác nhận việc các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phần đối với số cổ phần chào bán riêng lẻ.
24. Phương án xử lý số lượng cổ phần chưa phân phối hết sau đợt chào bán (nếu có): Toàn bộ số cổ phần không phân phối hết do nhà đầu tư từ chối không mua sẽ bị hủy bỏ.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ VIỆC CHÀO BÁN

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là **200.000.000.000 đồng**, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sẽ sử dụng cho một và/hoặc một số mục đích sau: (1) Góp vốn vào Công ty con để thực hiện dự án mở rộng Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa của Công ty TNHH Nhựa Đông Á; (2) Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và/ hoặc (3) Thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh, nhu cầu vốn đầu tư quyết định chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm và không giới hạn việc phân bổ nguồn vốn cho từng mục đích sử dụng vốn, lựa chọn và sắp xếp ưu tiên phương án, mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều phương án sử dụng vốn như trên). Hội đồng quản trị có quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, lợi ích của Công ty và cổ đông.

III. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, toàn bộ cổ phiếu chào bán tăng vốn sẽ được Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

- Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy mô vốn mới sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn.
- Sửa đổi Điều lệ hoạt động Công ty liên quan đến điều khoản quy định về vốn điều lệ theo số vốn điều lệ thực tế chào bán.

V. ỦY QUYỀN CỦA ĐHCĐ CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện các thủ tục và công việc liên quan đến việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện phương án chào bán cổ phiếu;
 - Toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền mà không cần xin lại ý kiến Đại hội cổ đông nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông, Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty;
 - Trong trường hợp cần thiết nhằm đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty, căn cứ tình hình thực tế chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn thời điểm và hoàn thiện thủ tục theo quy định để triển khai thực hiện các phương án chào bán cổ phiếu; Quyết định phương án, kế hoạch sử dụng vốn tương ứng với số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.
 - Quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phương án sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn và xây dựng phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư của công ty; Cân đối nguồn vốn để phân bổ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán vào các mục đích sử dụng vốn một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Căn cứ vào tình hình thực tế chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị được phép điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả và lợi ích của cổ đông, Công ty và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn từ việc chào bán cổ phiếu (nếu có) nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty.
 - Quyết định thực hiện tất cả các thủ tục liên quan để đảm bảo việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn việc thực hiện thủ tục khóa room Nhà đầu tư nước ngoài trước, trong và sau đợt chào bán cổ phiếu của Công ty.
 - Chủ động xây dựng hồ sơ và giải trình hồ sơ xin phép đăng ký chào bán gửi UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;
 - Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu để hoán đổi;
 - Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều lệ Công ty điều khoản quy định về vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán;
 - Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được chào bán thành công;
 - Thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án huy động thành công, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.
- ✓ Tổng số phiếu tán thành: phiếu, đại diện cổ phần chiếm% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
 - ✓ Tổng số phiếu không tán thành : phiếu, đại diện cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
 - ✓ Tổng số phiếu không có ý kiến : phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Điều 11. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020-2025.

STT	Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1				
2				

Điều 12. Điều khoản thi hành:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát và triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao nhất, đúng với các nội dung của nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- CBTT (Sở GD&ĐT TpHCM, UBCKNN);
- Công bố trên website DAG
- Lưu VT, QHCD.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**